

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 15 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 2// Hồ Nguyễn Quân;

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Phạm Xuân Hiếu;

1// Lương Văn Quyết.

- **Thư ký phiên tòa:** 4/ Nguyễn Minh Cương - Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4;

- **Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 42 tham gia phiên tòa:** 4/ Nguyễn Thiện Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 4, Toà án quân sự khu vực Quân khu 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 09 tháng 7 năm 1969 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ dân phố X, xã PL, thành phố Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Binh nhì, Chiến sĩ, E 176, Bộ CHQS tỉnh TTH; căn cước công dân số: 046069014191; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V (đã chết) và bà Mai Thị H; có vợ là Lê Thị B và 06 con; con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2025 đến ngày 20/3/2025; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bộ CHQS thành phố Huế; địa chỉ: Số 6 VTD, phường AC, thành phố Huế; đại diện theo pháp luật: Ông Phan T; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 4//, CHT, Bộ CHQS thành phố Huế; đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân S; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 3//, Phó TMT, Bộ CHQS thành phố Huế; theo giấy uỷ quyền số 3618/GUQ-BCH ngày 09/9/2025; có mặt.

- **Người làm chứng:** Lê Thị B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ, nhập ngũ ngày 25/02/1992 tại E 176, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến ngày 09/3/1992, do muốn trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự nên lợi dụng lúc đêm tối đã đào ngũ khỏi đơn vị trở về sinh sống tại địa phương (Tổ dân phố X, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế). Ngày 11/8/1997, do có tranh chấp đất đai nên giữa Lê Văn Đ và Hoàng Linh N (bạn bè và là hàng xóm với nhau) có xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau gây thương tích. Hậu quả: Hoàng Linh N bị thương với tỷ lệ tổn hại sức khỏe theo Kết luận giám định số 150/97 GDYP là 20%. Ngày 16/10/1997, Công an huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế đã khởi tố bị can đối với Đ về tội “Cố ý gây thương tích”, đối với N về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 30/01/1998, Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Bản cáo trạng số 06/KSĐT truy tố Lê Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 và truy tố Hoàng Linh N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 1985. Sau đó, Hoàng Linh N đã bị Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử, tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngày 24/3/1998, Lê Văn Đ được Ban chỉ huy quân sự huyện PL chuyển giao cho Trại K thuộc Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế để xử phạt về hành vi đào ngũ trước đó với hình thức là lao động bắt buộc. Trong thời gian chấp hành kỷ luật tại Trại K, do không muốn tiếp tục chấp hành kỷ luật, muốn trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự nên đến ngày 12/4/1998 Lê Văn Đ đã lợi dụng đêm tối tiếp tục bỏ trốn khỏi Trại K.

Ngày 24/6/1998 Ban CHQS huyện PL có Công văn số 65/ĐN đề nghị cơ quan tố tụng truy tố xét xử trước pháp luật về tội “Đào ngũ” đối với Lê Văn Đ. Ngày 21/7/1998, Viện kiểm sát nhân dân huyện PL ra Quyết định tách vụ án hình sự và Quyết định chuyển vụ án “Cố ý gây thương tích” cho Viện kiểm sát quân sự khu vực 44, Quân khu 4 để truy tố theo thẩm quyền. Ngày 24/7/1998, hồ sơ vụ án được Viện kiểm sát quân sự khu vực 44, Quân khu 4 bàn giao cho Ban ĐTHS, Bộ CHQS tỉnh TTH để điều tra.

Ngày 28/7/1998, Ban ĐTHS, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn Đ về tội “Đào ngũ”, đến ngày 31/7/1998 ra Quyết định truy nã đối với Đ về tội “Cố ý gây thương tích” với lý do “sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú” và ngày 22/11/1998 đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra về tội “Đào ngũ”, “Cố ý gây thương tích” đối với Lê Văn Đ.

Ngày 19/3/2025, Lê Văn Đ đã ra đầu thú tại Cơ quan ĐTHS khu vực 4, Quân khu 4; cùng ngày Cơ quan ĐTHS khu vực 4 Quân khu 4 ra Quyết định đình nã số 43/QĐ-ĐN đối với Lê Văn Đ. Ngày 20/3/2025, Cơ quan ĐTHS khu vực 4, Quân khu 4 ra Quyết định số 44/QĐ-PHĐT phục hồi điều tra vụ án và Quyết định số 45/QĐ-PHBC phục hồi điều tra bị can đối với Lê Văn Đ.

Ngày 04/6/2025, Cơ quan ĐTHS khu vực 4, Quân khu 4 đã ra Quyết định đình

chỉ điều tra vụ án hình sự và Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Lê Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS42 ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 42 truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Đào ngũ” theo quy định tại khoản 1 Điều 402 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Đ khai: Bị cáo nhập ngũ khoảng tháng 02/1992 tại E 176, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế đóng quân tại phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo ở đơn vị khoảng vài ngày, do buồn chán, nhớ nhà nên đã đào ngũ trốn khỏi đơn vị về sinh sống và làm việc tại địa phương. Quá trình đào ngũ về địa phương đã được chính quyền giáo dục động viên trở lại đơn vị nhưng bị cáo không chấp hành. Đến năm 1998, Ban CHQS huyện PL gọi bị cáo lên làm việc về vấn đề bỏ ngũ và chuyển bị cáo về Trại kỷ luật quân đội K thuộc Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế để thi hành kỷ luật với hình thức là lao động bắt buộc; được khoảng hơn nửa tháng thì bị cáo tiếp tục bỏ trốn khỏi Trại K vào Đà Nẵng một thời gian rồi mới trở về địa phương sinh sống cho đến khi ra đầu thú với cơ quan chức năng.

Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có lời khai: E176 trước khi giải thể thuộc Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Bộ CHQS Thành phố Huế). Đến tháng 3 năm 1998, quân nhân Lê Văn Đ được Ban chỉ huy quân sự huyện PL chuyển giao cho trại K (thuộc CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế) để xử phạt; do đó, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc quản lý quân nhân Lê Văn Đ. Hành vi đào ngũ của bị cáo Đ đã làm ảnh hưởng đến việc duy trì quản lý kỷ luật của đơn vị, làm ảnh hưởng đến tổ chức, biên chế, sức chiến đấu của đơn vị tại thời điểm đó. Tuy nhiên, sau khi đào ngũ bị cáo đã ra đầu thú và khai báo, hiện nay đã ổn định cuộc sống, bản thân bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương nơi cư trú; vì vậy, cần xem xét để bị cáo được hưởng lương khoan hồng của pháp luật. Việc xử lý quân nhân Lê Văn Đ bằng hình thức cải tạo lao động bắt buộc là thực tế lịch sử, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thời điểm đó; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng Lê Thị B có lời khai tại Cơ quan Điều tra: Tôi có nghe anh Đ nói lại trước khi lấy tôi, anh Đ có đi bộ đội nhưng sau đó đã bỏ trốn khỏi đơn vị. Sau khi có gia đình với tôi thì anh Đ tiếp tục bỏ trốn khỏi đơn vị lần thứ hai, sau đó có đơn vị của anh Đ đưa anh Đ đi chấp hành kỷ luật, thời gian cụ thể tôi không nhớ rõ. Anh Đ đi vào Đà Nẵng một thời gian rồi trở về địa phương sinh sống cho tới bây giờ. Nguyên nhân nghe anh Đ kể lại là vì không muốn tiếp tục phục vụ trong quân đội, vì nhớ gia đình và chán nản nên đã đào ngũ.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 42 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự, áp dụng khoản 1 Điều 402; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, khoản

1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng; giao bị cáo cho UBND xã PL, thành phố Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Đ nhất trí như quan điểm của Kiểm sát viên và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi sai phạm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận và trình bày về hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do muốn trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự nên ngày 09/3/1992, quân nhân Lê Văn Đ đã tự ý rời khỏi đơn vị trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại tổ dân phố X, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã PL, Thành phố Huế). Đến ngày 24/3/1998, Lê Văn Đ được Ban CHQS huyện PL chuyển giao cho Trại K thuộc Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế để xử phạt về hành vi đào ngũ với hình thức lao động bắt buộc. Trong thời gian chấp hành kỷ luật, ngày 12/4/1998 Lê Văn Đ tiếp tục bỏ trốn.

Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đào ngũ” theo khoản 1 Điều 259 Bộ luật Hình sự 1985 với khung hình phạt cải tạo tại đơn vị kỷ luật của Quân đội đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 7; khoản 1 Điều 402 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự 2015 thì hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đào ngũ” theo quy định tại khoản 1 Điều 402 Bộ luật Hình sự 2015

với yếu tố cấu thành tội phạm có lợi hơn và khung hình phạt nhẹ hơn (từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm), đây là quy định có lợi cho người phạm tội cần được áp dụng đối với bị cáo. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự khu vực 42 tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, làm ảnh hưởng đến tổ chức, biên chế và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, ảnh hưởng đến kỷ luật, sức mạnh chiến đấu của Quân đội. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện và cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo đã chủ động ra đầu thú trước cơ quan chức năng, do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo đông con, còn nhiều khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo không có việc làm và thường xuyên đau ốm, từ khi thực hiện hành vi trốn khỏi trại K đến nay không có vi phạm pháp luật gì khác, do đó Hội đồng xét xử sẽ có xem xét, cân nhắc khi lượng hình.

[5] Từ các nhận định trên, sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ khi bỏ trốn khỏi trại K đến nay bị cáo trở về sinh sống tại địa phương ổn định, không có vi phạm gì. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn bảo đảm được mục đích của hình phạt và cần áp dụng khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách của án treo theo quy định, tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người

công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước.

[6] Đối với hành vi Cố ý gây thương tích trong thời gian Đào ngũ: Theo lời khai của bị cáo và tài liệu có trong hồ sơ cho thấy, trong thời gian đào ngũ bị cáo Lê Văn Đ có hành vi đánh nhau gây thương tích đối với anh Hoàng Linh N. Ngày 30/01/1998, Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra bản Cáo trạng số 06/KSĐT-TA truy tố Lê Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Bộ luật Hình sự 1985. Sau khi phục hồi điều tra, Hoàng Linh N đã có đơn xin bãi nại và đề nghị đình chỉ điều tra đối với Lê Văn Đ. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm a khoản 1 Điều 230 và khoản 2 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự, ngày 04/6/2025 Cơ quan ĐTHS khu vực 4 Quân khu 4 đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 02/QĐ-ĐCĐT, Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 02/QĐ-ĐCBC đối với Lê Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích”, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2, Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Đào ngũ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 402; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2025). Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã PL, thành phố Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2025) đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 4./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSQSQK4;
- VKSQSKV42;
- ĐTHSKV4 QK4;
- Phòng THAQK4;
- TAQSTW;
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu HSTHAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

2// Hồ Nguyễn Quân